



Original Article

# Entrepreneurship of the Vietnamese Bourgeoisie in the Early 20<sup>th</sup> Century: The Case of Bach Thai Bui (1874-1932)

Pham Van Thuy\*, Ngo Nguyen Phuong Ha

*VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Received 30 August 2021

Revised 07 September 2021; Accepted 13 September 2021

**Abstract:** The Vietnamese bourgeoisie was born in conjunction with the intrusion and establishment of French colonialism in Vietnam. The introduction of the new mode of production, i.e. capitalism helped a number of Vietnamese, who had a relatively large accumulated capital, transform and extend their businesses or invest in the new ventures. Others were self-made businessmen, who rose up by their entrepreneurship and their desire to enrich themselves as well as to transform the society. Bach Thai Bui was a typical figure among the most prominent self-made bourgeoisies in Vietnam in the early twentieth century. By analyzing the business development and activities of Bach Thai Bui, this article aims to highlight the entrepreneurship of the Vietnamese bourgeoisie in the early twentieth century. Attention is given to the historical context and business environment of Vietnam in the late colonial era. The birth and business activities of the bourgeoisie, particularly those with strong entrepreneurship and self-made spirit will be discussed in detail. Despite their strong economic power in comparison with other indigenous groups, the Vietnamese bourgeoisie was significantly subordinate to foreign capital, particularly the French and the Chinese. Fierce competition from foreign capital while lacking political and administrative supports and a leading ideological basis were the main reasons for the weakness of the Vietnamese bourgeoisie in the colonial era.

**Keywords:** Bach Thai Bui, Lord of Tonkin Rivers, Vietnamese bourgeoisie, maritime transports, mining.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [Thuypv@vnu.edu.vn](mailto:Thuypv@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4348>

# Tinh thần khởi nghiệp của tư sản Việt Nam đầu thế kỷ XX: Trường hợp doanh nhân Bạch Thái Bưởi (1874-1932)

Phạm Văn Thủy\*, Ngô Nguyễn Phương Hà

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 30 tháng 8 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 07 tháng 9 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 9 năm 2021

**Tóm tắt:** Giai cấp tư sản Việt Nam ra đời gắn liền với quá trình thâm nhập và thiết lập của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam. Sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã giúp một bộ phận người Việt vốn đã có tiềm lực kinh tế từ trước mau chóng chuyển đổi, mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư vào các lĩnh vực mới. Một số khác là những nhà tư sản tự thân, vươn lên bằng tinh thần khởi nghiệp, khát khao làm giàu và cải tạo xã hội. Trong số những nhà tư sản nổi danh bởi tinh thần tự lập và ý chí khởi nghiệp ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, Bạch Thái Bưởi nổi lên như là một nhân vật điển hình. Bằng việc phân tích con đường và hoạt động kinh doanh của Bạch Thái Bưởi, bài viết nhằm mục đích nhấn mạnh tinh thần khởi nghiệp của giới tư sản Việt Nam đầu thế kỷ XX. Bài viết trước hết phân tích bối cảnh lịch sử và môi trường kinh doanh ở Việt Nam thời thuộc địa. Sự ra đời và hoạt động kinh doanh của giới tư sản Việt Nam, nhất là của những nhà tư sản tự thân, có tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ sẽ được đi sâu làm rõ. Mặc dù là nhóm người Việt có thế lực kinh tế mạnh nhất thời thuộc địa, trong tương quan so sánh với thế lực kinh tế người Pháp và người Hoa, giai cấp tư sản Việt Nam vẫn hoàn toàn yếu thế. Sự cạnh tranh của tư sản nước ngoài, trong khi thiếu bộ đỡ chính trị và một hệ tư tưởng tư sản tiên bộ dẫn lối là nguyên nhân chính đưa đến sự phát triển què quặt, yếu đuối của tư sản Việt Nam thời thuộc địa.

*Từ khóa:* Bạch Thái Bưởi, Chúa sông Bắc Kỳ, khởi nghiệp, tư sản Việt Nam, khai mỏ, vận tải đường thủy.

## 1. Mở đầu

Ngay sau khi hoàn thành quá trình xâm chiếm và thiết lập bộ máy cai trị thực dân ở Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp đã bắt tay vào công cuộc khai thác, vơ vét của cải, tài nguyên thiên nhiên của thuộc địa để phục vụ cho sự phát triển của chính quốc. Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã vắt kiệt nguồn tài nguyên, bóc lột sức lao động và làm bản cùng hoá đại bộ phận người dân Việt Nam.

Tuy nhiên, quá trình xâm lược và thiết lập của chủ nghĩa thực dân Pháp cũng đưa đến sự du nhập của một phương thức sản xuất, kinh doanh kiểu mới từ bản chủ nghĩa vào Việt Nam [1, 2]. Chính trong bối cảnh đó, một bộ phận người Việt thức thời, có tinh thần khởi nghiệp đã mau chóng dự nhập vào mạng lưới kinh doanh của người Pháp và vươn lên trở thành một thế lực kinh tế mới ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX.

Giai cấp tư sản Việt Nam xuất thân từ nhiều nguồn gốc khác nhau. Một bộ phận vốn đã có

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: Thuypv@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4348>

tiềm lực kinh tế từ trước như quan lại, địa chủ phong kiến, thợ thủ công, thương nhân,... đã mau chóng chuyển đổi, mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc tham gia đầu tư vào các lĩnh vực mới [3]. Tuy nhiên, có một bộ phận nhỏ là những nhà tư sản tự thân, vươn lên bằng tinh thần khởi nghiệp, khát khao làm giàu và cải tạo xã hội. Họ có thể xuất thân là viên chức thuộc địa, nhà môi giới, thầu khoán, nhưng nhảy bén trong kinh doanh, tận dụng mối quan hệ với tư bản và chính quyền thực dân Pháp để vươn lên làm giàu. Trong số những nhà tư sản nổi danh bởi tinh thần tự lập và ý chí khởi nghiệp ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, Bạch Thái Bưởi nổi lên như là một nhân vật điển hình. Xuất thân hoàn cảnh nghèo khó, bước vào đời với nghề thư ký, rồi dốc công cho doanh nghiệp Pháp, Bạch Thái Bưởi đã mau chóng gây dựng và phát triển sự nghiệp riêng, trở thành biểu tượng cho sự thành công của giới tư sản Việt Nam thời thuộc địa. Ông là nhà tư sản tự thân duy nhất trong bốn người giàu có nhất Việt Nam đầu thế kỷ XX mà dân gian vẫn quen gọi là “Nhất Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ Bưởi”<sup>1</sup>.

Bằng việc phân tích con đường và hoạt động kinh doanh của Bạch Thái Bưởi, bài viết này nhằm mục đích nhấn mạnh tinh thần khởi nghiệp của giới tư sản Việt Nam đầu thế kỷ XX. Bài viết trước hết phân tích bối cảnh lịch sử và môi trường kinh doanh ở Việt Nam thời thuộc địa. Sự ra đời và hoạt động kinh doanh của giới tư sản Việt Nam, nhất là của những doanh nhân tự thân, có tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ sẽ được đi sâu làm rõ. Mặc dù là nhóm người Việt có thể lực kinh tế mạnh nhất thời thuộc địa, trong tương quan so sánh với thế lực kinh tế người Pháp và người Hoa, giai cấp tư sản Việt Nam vẫn hoàn toàn yếu thế. Sự cạnh tranh của tư sản nước ngoài, trong khi thiếu bộ đỡ chính trị và một hệ tư tưởng tiên bộ dẫn lối là nguyên nhân đưa đến sự phát triển què quặt, yếu đuối của tư sản Việt Nam thời thuộc địa.

<sup>1</sup> Câu nói “Nhất Sĩ, nhì Phương, tam Xường, tứ Bưởi” thường dùng để chỉ bốn người giàu có nhất Việt Nam đầu thế kỷ XX, gồm huyện Sĩ (Lê Phát Đạt), Tổng đốc Phương

## 2. Môi trường kinh doanh ở Việt Nam đầu thế kỷ XX

Với việc ép buộc triều đình nhà Nguyễn ký hàng loạt các hiệp ước đầu hàng và thông qua Hiệp ước Patenôtre (Hoà ước Giáp Thân 1884), thực dân Pháp về cơ bản đã hoàn thành xong quá trình thôn tính Việt Nam. Năm 1897, Liên bang Đông Dương ra đời, bao gồm Việt Nam, Campuchia và sau đó thêm Lào. Không giống như các thuộc địa khác ở Đông Nam Á, như Đông Ấn Hà Lan, Malay thuộc Anh, hay Philippines thuộc Mỹ, nơi chính quyền thực dân áp dụng chủ nghĩa tự do (liberalism) cho phép tư bản nước ngoài được đầu tư vào thuộc địa, thực dân Pháp lại theo đuổi chủ nghĩa bảo hộ (protectionism) nhằm biến Việt Nam thành thuộc địa của riêng nước Pháp. Chính sách kinh tế của Pháp ở Đông Dương được xây dựng và vận hành dựa theo nguyên tắc “thuộc địa cần phải được duy trì như là một thị trường dành riêng cho Pháp”, vì rằng “trong 20 năm qua chúng ta đã tốn thất bao xương máu của binh lính và tiêu nhiều tiền thuế của dân. Những hy sinh đó không thể không được đền đáp và không thể để những người Đức, Anh và người Hoa thừa hưởng thành quả” [4]. Việc hạn chế tư bản nước ngoài đầu tư vào thuộc địa tạo cơ sở cho sự lũng đoạn và độc quyền của tư bản Pháp ở Việt Nam, biến nền kinh tế thuộc địa phụ thuộc nặng nề vào chính quốc. Tuy nhiên, việc thiếu vắng các doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ phần nào lại mở ra cơ hội kinh doanh cho người bản địa.

Trước khi Pháp xâm lược, Việt Nam là một nước có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, thương nghiệp kém phát triển, chủ yếu là buôn bán quy mô nhỏ, vốn liếng ít, thủ công nghiệp phát triển phân tán ở một số địa phương và phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp. Quan hệ kinh tế chủ yếu là tự cấp tự túc, hầu như không có sản xuất lớn, không có các tổ chức ngành nghề mà chỉ có dạng phường hội, làng nghề [5, 6]. Khi chủ nghĩa tư

(Đỗ Hữu Phương), bá hộ Xường (Lý Tường Quang) và nhà tư sản Bạch Thái Bưởi.

bản Pháp du nhập vào, nó đã phá vỡ tính chất tự nhiên của nền kinh tế truyền thống, thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển. Thị trường giờ đây được mở rộng, nguồn cung về vốn được hỗ trợ bởi hệ thống ngân hàng của Pháp, các phương thức quản lý mới cùng với máy móc và khoa học kỹ thuật hiện đại cũng được du nhập vào, cơ sở hạ tầng giao thông vận tải được cải thiện,... Tất cả những điều này là nhân tố khách quan kích thích sự ra đời và phát triển của giai cấp tư sản Việt Nam.

Những năm đầu của thế kỷ XX, nhiều biến động lớn trong nước, quốc tế tác động đến môi trường kinh doanh ở Việt Nam, đặc biệt là công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897-1914) và sự bùng nổ của Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918). Dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa, việc tích lũy tư bản Việt Nam đã dần tăng tiến hơn, xu hướng cải tiến kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất mới. Trong khi đó, chiến tranh thế giới đã tàn phá nền công nghiệp của Pháp ở chính quốc, các xí nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu phải dồn lực phục vụ chiến tranh [7]. Gánh nặng kinh tế lúc này đổ dồn vào Đông Dương, buộc chính quyền thực dân phải điều chỉnh chính sách kinh tế. Chính sách độc quyền thuộc địa được nói lỏng đã cho phép tư bản ngoại quốc được đầu tư vào Đông Dương. Lúc này, tư sản Việt Nam đã bước đầu trưởng thành và tư bản ngoại quốc chủ yếu tham gia vào các lĩnh vực cạnh tranh với tư bản Pháp, nên tư bản Việt Nam có điều kiện mở rộng đối tác kinh doanh, thị trường xuất - nhập khẩu hàng hoá. Tư sản Việt Nam có thể mua nguyên liệu, máy móc của nước ngoài và bán sản phẩm cho thương nhân ngoại quốc mà không chịu điều kiện mua giá cao, bán giá rẻ như đối với tư bản Pháp [8, 9]. Đó là một điều kiện khách quan có lợi cho tư sản Việt Nam, đặc biệt là trên lĩnh vực thương nghiệp.

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, mặc dù là quốc gia thắng trận, nhưng nước Pháp cũng bị tổn thất nặng nề. Trong bối cảnh khó khăn chồng chất, đặc biệt là khủng hoảng về tiền tệ và tài chính, chính phủ Pháp một mặt tiến hành khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất trong nước, mặt khác tìm cách tăng cường đầu tư khai thác thuộc địa.

Tại Đông Dương, Pháp đã triển khai một chương trình khai thác thuộc địa trên quy mô lớn. Nếu chỉ xét về quy mô đầu tư, số vốn đầu tư của Pháp vào Việt Nam trong đợt khai thác thuộc địa lần hai (1919-1929) lên tới 4 tỷ franc, vượt xa con số 1 tỷ franc của đợt khai thác thuộc địa lần thứ nhất [19]. Lĩnh vực đầu tư cũng được mở rộng, trang thiết bị kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải,... được tăng cường nên càng thúc đẩy quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở thuộc địa. Đây là thời kỳ nở rộ của tư sản Việt Nam, nhất là tư sản vừa và nhỏ xuất phát từ thủ công nghiệp.

Một điểm thuận lợi nữa cho hoạt động khởi nghiệp của tư sản Việt Nam đầu thế kỷ XX là sự ủng hộ của các trào lưu tư tưởng canh tân theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Ngay từ cuối thế kỷ XIX, trước những đe dọa về việc mất chủ quyền quốc gia từ các đế quốc phương Tây, nhiều nước phương Đông đã tiến hành công cuộc cải cách, canh tân đất nước như cải cách Minh trị ở Nhật Bản, cải cách của Mongkut và Chulalongkorn ở Siam (Thái Lan), hay cuộc vận động cải cách ở Trung Quốc, tổ chức Đồng Minh Hội ở Singapore [11-14]. Trong khi giới tư sản dân tộc chưa đủ mạnh, các trào lưu tư tưởng cải cách đã được du nhập vào Việt Nam thông qua các sĩ phu tiến bộ có xu hướng tư sản hoá. Thông qua các Tân văn, Tân thư, diễn đàn báo chí, trường học,... các Nho sĩ cấp tiến đã cổ vũ, ủng hộ mạnh mẽ tinh thần kinh doanh khởi nghiệp, ý chí làm giàu của lớp doanh nhân Việt Nam lúc bấy giờ. Mong muốn của họ là phát triển nền công thương nghiệp dân tộc hạn chế sự lũng đoạn của tư bản nước ngoài [15].

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, môi trường đầu tư kinh doanh ở Việt Nam đầu thế kỷ XX cũng bị chi phối bởi nhiều yếu tố bất lợi cho tư sản bản địa. Chính quyền Pháp ở Đông Dương thực thi các chính sách nhằm bảo vệ những lợi ích tối đa về kinh tế cho “mẫu quốc”. Nguyên tắc khai thác thuộc địa của chính quyền thực dân Pháp là “việc sản xuất ở thuộc địa phải đảm bảo nguyên tắc là cung cấp cho chính quốc nguyên liệu hoặc những sản phẩm không cạnh tranh với nền sản xuất ở chính quốc [16-17]. Điều này đưa đến hệ quả là, chính quyền thuộc địa chỉ chú trọng đến các ngành khai thác như khai mỏ, đồn

điền, ngân hàng,... mà không khuyến khích các ngành sản xuất, chế tạo. Thậm chí, những ngành thủ công truyền thống của người Việt có khả năng cạnh tranh với hàng hoá Pháp, như sản xuất rượu, bị chính quyền thực dân kiểm soát, nắm độc quyền. Cùng với rượu, một số ngành sinh lời cao như sản xuất và buôn bán muối, thuốc phiện cũng bị chính quyền Pháp nắm giữ độc quyền [18, 19]. Tư sản Việt Nam hầu như rất khó có thể tham gia vào những ngành siêu lợi nhuận này.

Ngoài những rào cản về cơ chế và chính sách, một khó khăn rất lớn nữa cho quá trình vươn lên của tư sản Việt Nam, đó là sự cạnh tranh khốc liệt từ tư sản ngoại quốc, đặc biệt là tư sản Pháp và tư sản Hoa Kiều. Trong khi tư sản Pháp có tiềm lực về vốn, khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm lại được sự hậu thuẫn của chính quyền thuộc địa, tư bản Hoa Kiều là thế lực kinh tế lớn ở Việt Nam. Cộng đồng người Hoa có lịch sử di trú lâu dài ở Việt Nam. Ở Bắc Kỳ, người Hoa thiết lập các cơ sở buôn bán tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Vinh,... Ở Nam Kỳ, thế lực người Hoa kiểm soát các hoạt động buôn bán và tài chính ở khu vực Sài Gòn-Chợ Lớn, đồng thời cũng sở hữu những đồn điền rộng lớn ở vùng Cần Thơ, Long An, Sóc Trăng,... [20]. Kỹ năng thương trường và tinh thần cố kết cộng đồng của Hoa kiều biến họ trở thành một thế lực kinh tế hùng mạnh trong xã hội Việt Nam thời thuộc địa. Sự cấu kết giữa tư sản Hoa kiều và tư sản Pháp, cùng với sự hậu thuẫn của chính quyền thực dân trở thành rào cản lớn nhất cho sự vươn lên của tư sản Việt Nam vào đầu thế kỷ XX.

### 3. Hoạt động kinh doanh của tư sản Việt Nam

Như đã phân tích ở trên, dưới thời phong kiến nền kinh tế Việt Nam chủ yếu dựa vào nông nghiệp, nặng về tự cung tự cấp nên hạn chế sự phát triển của kinh tế công thương nghiệp. Mặc dù có những giai đoạn, một số đô thị đã được hình thành và hoạt động trao đổi buôn bán, lưu thông hàng hóa đã diễn ra khá mạnh mẽ, nhưng những hoạt động này không có tính liên tục, lại

chủ yếu dừng ở mức độ kết nối giữa các địa phương, giao lưu buôn bán quốc tế có nhiều hạn chế. Hoạt động thủ công nghiệp manh mún, chưa hình thành các công trường, xí nghiệp lớn có chức năng điều phối thị trường. Ngay như Hà Nội, đô thị sầm uất với “36 phố phường”, nổi tiếng với phố hàng Đào chuyên buôn tơ lụa, phố hàng Bát bán chén, đĩa, phố hàng Chĩnh bán chum vại và những phố Hàng Chiếu, Hàng Đồng,... nhưng những hàng hóa này không phải được sản xuất tại Hà Nội mà do các địa phương cung cấp. Một số ngành nghề thủ công sản xuất tại thành thị như chạm, khảm, mã, lọng thì lại không phải là ngành sản xuất hàng hóa quan trọng. Thương nhân phần lớn là những nhà buôn nhỏ, đóng vai trò môi giới giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng. Những thương nhân giàu lại chủ yếu xuất thân từ tầng lớp quan lại phong kiến. Hay như tại Sài Gòn - Chợ Lớn, trung tâm buôn bán thịnh đạt nhất ở Nam Kỳ, hầu hết hoạt động buôn bán, sản xuất, chế biến nằm trong tay người Hoa và sau này có thêm người Pháp; thương nhân Việt Nam chỉ đóng vai trò thứ yếu.

Từ khi chủ nghĩa tư bản du nhập vào Việt Nam, thị trường buôn bán bắt đầu được mở rộng nhưng vẫn chưa thấy xuất hiện những thương nhân người Việt giàu có, sở hữu những công trường thủ công lớn đầu tư theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Theo thống kê của thực dân Pháp về tàu bè qua lại ở các cửa biển Bắc Kỳ và Trung Kỳ vào tháng 8 năm 1886 buôn bán, tính ra trong số 54 tàu và 65 thuyền mảnh nhập cảng thì người Việt chỉ có 3 thuyền mảnh còn lại là của các nước khác [21]. Những xí nghiệp tư bản đầu tiên của người Việt là những công trường thủ công nhỏ, mang tính chất của một xí nghiệp cơ khí, hoạt động sản xuất thực hiện theo phương thức thủ công truyền thống, khiến năng suất còn thấp, lượng hàng hóa tạo ra hạn hẹp, chất lượng kém hơn so với các sản phẩm của tư bản Pháp và của các nước khác. Có thể nói cho đến cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam mới định hình ở dạng phôi thai; tư sản Việt Nam dù đã ra đời nhưng chưa trở thành một giai cấp độc lập trong xã hội [22].

Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914), chủ nghĩa tư bản Việt Nam có thêm nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Việc tư bản Pháp đẩy mạnh đầu tư vào các ngành kinh tế khai thác như hầm mỏ, đồn điền, giao thông vận tải,... tạo điều kiện cho một bộ phận người Việt thức thời, có đầu óc kinh doanh trở thành các nhà thầu khoán, môi giới cho Pháp. Những người này sau đó nhận thấy kinh doanh công nghiệp có nhiều lợi nhuận hơn, đặc biệt ở những ngành có nhu cầu lớn nhưng tư bản thực dân chưa tham gia đầu tư hoặc có đầu tư nhưng hoạt động yếu kém. Vì vậy, họ đã mau chóng chuyển đổi hình thức kinh doanh, mở xí nghiệp sản xuất. Một số nhà tư sản như Bùi Huy Tín, chủ nhà in vốn là nhà thầu khoán, Nguyễn Hữu Sờ, Trần Huỳnh Ký cùng góp cổ phần trong Ngân hàng Việt Nam, Đỗ Hữu Thực, Trương Hoàn Tĩnh mở nhà máy rượu Văn Điển cũng đều xuất thân từ những nhà thầu khoán lớn. Hơn nữa, do môi trường kinh doanh được mở rộng, một bộ phận nhà buôn người Việt đã tận dụng thời cơ buôn bán hàng ngoại, đồng thời mở rộng sản xuất kinh doanh, xuất khẩu hàng hoá. Hoạt động của giới thương nhân ngày càng mạnh mẽ khiến một bộ phận dần trở nên giàu có, xu hướng tăng cường đầu tư, cải tiến kĩ thuật, mở rộng quy mô dẫn đến sự ra đời của các công xưởng lớn, sản xuất theo phương thức tư bản chủ nghĩa. Năm 1912, chính quyền Pháp nhận định rằng: “Thợ mỹ nghệ và thợ công nghệ Bắc kỳ đã nhanh chóng học được các phương pháp sản xuất theo lối Âu Tây và mỗi ngày người ta rất lấy làm ngạc nhiên vì sự tiến bộ đã đạt được trong nhóm thợ thủ công ấy,... Người ta cảm thấy trong đám người bán xứ đâu đâu cũng thiết tha muốn bước theo con đường kĩ nghệ của chúng ta và tổ chức với những công cụ hiện đại. Trong nghề làm đồ sắt, đồ đồng, người ta nhận thấy tiến bộ rõ rệt trong việc sản xuất và trong việc trình bày hàng hóa, những hàng hóa đó bán được rất nhiều và bán rất chạy” [23].

Sự phân hóa trong số những nhà sản xuất đã dần tạo nên những xí nghiệp có quy mô tương đối lớn vào đầu thế kỷ XX. Những xưởng thủ công có tính chất tư bản chủ nghĩa xuất hiện ngày

càng nhiều, rải rác khắp các ngành sản xuất. Bên cạnh việc xuất hiện các tư sản dân tộc ở các khu vực thành thị đầu tư vào các lĩnh vực như in ấn, sơn, dệt, làm gốm sứ, tàu thủy, xưởng chế tạo, sửa chữa,... còn có một số điền chủ ở nông thôn kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa. Việc tích lũy tư bản của các chủ xí nghiệp Việt Nam đã tăng mạnh hơn so với thời kì đầu. Các xí nghiệp đã sử dụng số lượng công nhân nhiều hơn, quy mô sản xuất được mở rộng hơn; tư sản người Việt ngày càng chủ động học theo con đường kỹ nghệ phương Tây, áp dụng cách thức tổ chức, quản lý và sử dụng công cụ hiện đại của phương Tây. Tuy nhiên, sự phát triển của tư bản Việt Nam trong thời điểm này vẫn còn chậm chạp do sự kìm hãm của thực dân Pháp và sự cạnh tranh của tư bản nước ngoài. Hàng hóa trên thị trường phần nhiều là các hàng ngoại nhập hoặc là hàng hóa do tư bản Pháp hay tư bản Hoa Kiều làm ra; hàng hóa của người Việt lưu thông trên thị trường còn khá ít ỏi và giá trị thương mại thấp [24, 25].

Tư sản Việt Nam vươn lên mạnh mẽ trong giai đoạn Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) và đặc biệt là thập kỷ đầu sau đại chiến. Việc nói lỏng chính sách bảo hộ và những chính sách tăng cường đầu tư khai thác thuộc địa của chính quyền thực dân đã kích thích tư sản Việt Nam mở rộng quy mô và lĩnh vực kinh doanh, tăng cường sản xuất phục vụ xuất khẩu. Nền kinh tế sản xuất hàng hoá Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc, đặc biệt là tại các vùng sản xuất chuyên nghiệp như tơ lụa, lãnh ở Hà Đông; thảm, đồ thêu ở Hà Nội; chiếu cói ở Ninh Bình, Thái Bình; đường ở Quảng Nam, Quảng Ngãi; nhiều ở Bình Định. Một số doanh nghiệp có quy mô lên tới hàng trăm nhân công, như công ty dệt Đồng Lợi của Nguyễn Khắc Trường ở Thái Bình có 20 máy và hàng trăm công nhân; công ty dệt của Lê Vĩnh Phát ở Sài Gòn có 10 máy và 50 thợ chính và nhiều thợ phụ. Ngoài ra còn có các xưởng dệt như Nam Hưng tư nghiệp hội xã ở Hội An (Quảng Nam), xưởng dệt Khánh Vân ở Ngọc Hà, Tuy Anh ở Hà Đông, xưởng thêu của Trương Đình Long,... Các sản phẩm dệt may của tư sản Việt Nam vừa phục vụ nhu cầu trong nước, vừa

xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Hàng năm tư sản Việt Nam xuất nhập cảng từ 3000 đến 7000 tấn hàng hoá [26].

Nhiều thương nhân Việt Nam có tàu và thuyền trực tiếp buôn bán với các nước ngoài như Trung Quốc, Hong Kong, Singapore, Nhật, Pháp, Lào, Campuchia, Đông Ấn Hà Lan. Thuyền bè Việt Nam ra vào buôn bán tập nập giữa Bắc vào Nam, giữa trong nước và ngoài nước ngày càng tăng. Ngoài những nhà tư bản mới xuất hiện từ nhà buôn hay người sản xuất, thì nhiều chủ công trường thủ công lúc này trở thành những chủ xí nghiệp lớn. Cứ như vậy tư sản Việt ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn và hình thành nên một lực lượng giai cấp, ghi dấu trên mọi lĩnh vực kinh doanh các ngành nghề như uơng tơ dệt lụa, vải, dệt chiếu, cối, nung gạch ngói, làm bát đĩa, chum vại, làm nước mắm, giấy, ép dầu, chế biến xà phòng, sơn, xay gạo, điện, in ấn, ngân hàng, vận tải, sửa chữa ô tô, đúc kim khí,... Một số tư sản đã tham gia vào các lĩnh vực mà trước đó chỉ dành cho tư bản Pháp như khai mỏ, đồn điền. Nhiều đồn điền rộng hàng ngàn mẫu ở Nam Kỳ đã xuất hiện, thu hút hàng trăm công nhân, như đồn điền cao su của Huỳnh Trinh Lộc rộng 131 mẫu, của Nguyễn Hữu Hào và Lê Phát Vĩnh với 388 mẫu, Nguyễn Văn Của có 300 mẫu, Nguyễn Thị Tâm với 350 mẫu. Theo thống kê của tác giả Tạ Thị Thuý từ năm 1888 đến 1945, có tổng cộng 367 tư sản người Việt được cấp 473 nhượng địa mỏ, trong tổng số 925 chủ mỏ và 1751 nhượng địa mỏ được cấp phép [27]. Tuy nhiên, cần lưu ý là nhiều chủ mỏ người Việt sau khi nhận giấy phép sở hữu mỏ đã tìm cách bán cho tư sản nước ngoài hoặc phải sớm đóng cửa vì hoạt động không hiệu quả. Có một số chủ mỏ hoạt động khá tích cực là Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Thị Tâm, Phạm Kim Bảng, Trần Đình Dương, Nguyễn Văn Thịnh, Bùi Xuân Trường, Nguyễn Hữu Lan, Nguyễn Thị Huệ,... khai thác than ở vùng Quảng Yên và Nguyễn Thị Sáu sở hữu mỏ kẽm ở Thái Nguyên [20]. Một số công ty buôn lớn của tư sản Việt Nam có số vốn và hoạt động đa ngành có thể kể đến là Liên đoàn thương mại kỹ nghệ Rạch Giá, Nam Đồng Ích

công thương hội, Công ty Liên Thành, Công ty thương mại Bạch Thái Bưởi, Trung Kỳ thiết nghiệp công ty, Nam Hưng tư nghiệp hội xã, Hãng buôn Quảng An Long, Công ty Bắc kỳ thương mại và công nghiệp,... [29]. Từ trong hoạt động kinh doanh này, nổi lên một số nhà tư sản giàu có như Trương Văn Bền, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thanh Liêm, Lê Phát Vĩnh, Bạch Thái Bưởi,...

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và những điều chỉnh trong chính sách kinh tế của thực dân Pháp theo hướng tăng cường chủ nghĩa bảo hộ và độc quyền đã làm tư sản Việt Nam điêu đứng và nhiều người bị phá sản. Để bảo vệ hàng hoá của Pháp, chính quyền thuộc địa đã dựng hàng rào thuế quan nghiêm ngặt, tăng thuế hàng nhập trung bình từ 50% lên 180% giá trị hàng hoá, trong khi hàng của Pháp được miễn thuế. Pháp cũng tăng cường đánh thuế các hoạt động sản xuất công thương nghiệp của tư sản Việt Nam. Thuế môn bài tăng gấp 8 lần và tư sản phải chấp hành nhiều thể lệ kinh doanh khắt khe và phức tạp [30]. Ngân hàng Đông Dương lũng đoạn thị trường tài chính gây nên lạm phát nghiêm trọng. Dù cuộc khủng hoảng sau đó được kiểm soát, nhưng do nền kinh tế đã bị kiệt quệ, người lao động bị bán rẻ, sức mua giảm, tư sản thiếu vốn nên không thể thành lập được các xí nghiệp mới [31]. Ngoại trừ một số tư sản mại bán có mối quan hệ gắn chặt với tư bản Pháp hay tư bản Hoa kiều, phần lớn tư sản Việt Nam làm ăn thua lỗ. Nhiều nhà tư sản lâm vào tình trạng phá sản như Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Hữu Thu, Bạch Thái Bưởi,... Sự xâm lược của phát xít Nhật năm 1940 và tình trạng chiến tranh kéo dài càng làm cho tư sản Việt Nam kiệt quệ [32,33]. Chính trong bối cảnh đó, nhiều tư sản dân tộc đã hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Việt Minh góp tiền của và tham gia tích cực vào công cuộc đấu tranh, giải phóng dân tộc.

#### 4. Con đường khởi nghiệp của Bạch Thái Bưởi

Quá trình hình thành, phát triển và thăng trầm trong kinh doanh của giới tư sản Việt Nam đầu thế kỷ XX có thể được thấy rõ nhất qua hình

trình khởi nghiệp của doanh nhân Bạch Thái Bưởi. Ông sinh năm 1874 tại làng An Phú, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Ông vốn xuất thân nhà nghèo, mang họ Đỗ, nhưng sau chuyển sang họ Bạch<sup>2</sup>.

Khi bắt đầu sự nghiệp, Bạch Thái Bưởi làm thư kí cho một hãng buôn người Pháp ở phố Tràng Tiền và sau đó làm thư kí cho một xưởng máy thuộc hãng thầu công chính. Trong thời gian này Bạch Thái Bưởi được tiếp xúc với cách thức tổ chức, quản lý hiện đại của người Pháp nên ông quyết tâm học hỏi, mưu cầu sự nghiệp riêng. May mắn đến với ông vào năm 1895, khi ông được lựa chọn làm đại diện sang Pháp để giới thiệu sản phẩm của xứ Bắc Kỳ tại Hội chợ Bordeaux. Tại Pháp, Bạch Thái Bưởi luôn nỗ lực tìm hiểu, học hỏi cách thức bán buôn, lối sản xuất, nghệ thuật khuếch trương thương nghiệp của người Pháp. Sau khi về nước, Bạch Thái Bưởi xin vào làm đốc công tại công trường xây dựng cầu Paul Doumer (nay là cầu Long Biên). Với vốn kiến thức đã tích lũy và đầu óc kinh doanh, Bạch Thái Bưởi nhận thấy ngay cơ hội “khởi nghiệp” của mình gắn với công trình xây dựng này. Ông hùn tiền với một người Pháp nhận làm thầu khoán cung cấp gỗ làm tà-vẹt cho Sở Hỏa xa Đông Dương. Trong suốt ba năm, Bạch Thái Bưởi đã tích lũy được một số vốn khá lớn. Sau đó, ông chuyển hướng kinh doanh sang thu gom ngô để xuất khẩu. Tuy nhiên, không may gặp lúc ngô mất mùa, giá ngô cao, ông không thể gom đủ hàng cho đối tác nên đã bị kiện ra tòa và bị buộc phải bồi thường. Sau lần đó, công cuộc khởi nghiệp của Bạch Thái Bưởi coi như trở lại vạch xuất phát, nhưng nó là bài học để đời cho ông trên thương trường [35].

Năm 1906, Bạch Thái Bưởi trở lại thương trường, đánh dấu bằng việc đấu thầu và thắng thầu nhà cầm đồ ở Nam Định. Sau đó, ông trúng thầu việc thu thuế nợ ở chợ Nam Định, Thanh Hóa, Vinh – Bến Thủy. Ông còn mở nhà hàng kiểu Tây ở Thanh Hóa và khá thành công. Vốn

liếng tích lũy được ngày càng nhiều, kinh nghiệm trong giao thiệp, làm ăn ngày càng trở nên phong phú hơn. Khoảng năm 1908-1908, Bạch Thái Bưởi quyết định chuyển hướng sang kinh doanh vận tải đường thủy, vốn là lĩnh vực trước giờ do tư sản người Pháp và người Hoa độc quyền. Quyết định này đã đưa Bạch Thái Bưởi trở thành người Việt đầu tiên kinh doanh ở lĩnh vực mà xưa nay người Việt Nam chưa từng tham gia. Trước hết, ông thuê ba chiếc tàu của hãng tàu thủy Pháp là Marty - D’Abbadie và đổi tên tàu thành Phi Phụng, Phi Long và Bái Tử Long. Ông cho tàu chạy tuyến Nam Định - Hà Nội, Nam Định - Bến Thủy (Vinh), và từ năm 1912 thêm tuyến Nam Định – Hải Phòng, vốn là những tuyến đường thủy do các chủ thuyền người Hoa kiểm soát. Để cạnh tranh với người Hoa, ngoài việc hạ giá vé, nâng cao chất lượng dịch vụ, Bạch Thái Bưởi chú trọng đến việc kêu gọi tinh thần dân tộc “người Nam ủng hộ người Nam” của các khách đi tàu. Đây chính là vũ khí quan trọng nhất để ông chiến thắng trong cuộc cạnh tranh cam go với tư sản Hoa kiều [36].

Năm 1915 hãng Marty - D’Abbadie tuyên bố phá sản, Bạch Thái Bưởi mua lại tất cả đội tàu và xưởng sửa chữa tàu. Nhờ đó mà Bạch Thái Bưởi nắm trong tay một nhà máy lớn nhất nhì ở Hải Phòng. Trong tay ông lúc này có 25 thuyền chèo và tàu kéo, nhiều xà lan chạy khắp tuyến sông ở Bắc Kỳ [37]. Một năm sau, Bạch Thái Bưởi chính thức thành lập Giang hải luân thuyền Bạch Thái Công ty, với lá cờ hiệu màu trắng có hình mỏ neo và 3 ngôi sao màu đỏ [38, 39]. Khi công ty Deschwendes phá sản, ông mua luôn 6 chiếc thuyền và một số xà lan của công ty này [40]. Các con tàu ông mua được đặt lại tên mang đậm tinh thần dân tộc như Lạc Long, Trưng Trắc, Hồng Bàng,... Ngày 7/9/1919, Bạch Thái Bưởi chính thức cho hạ thủy con tàu Bình Chuẩn, do chính công ty ông đóng, nặng tới 600 tấn. Sự kiện này được chào đón nhiệt liệt bởi nhiều người dân, được ví như một biểu trưng phong

<sup>2</sup> Có tài liệu cho rằng Bạch Thái Bưởi vốn họ Đỗ, được một gia đình giàu có họ Bạch nhận làm con nuôi nên đổi sang họ Bạch. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng việc đổi họ là do cha của Bạch Thái Bưởi muốn con cái trong cảnh nghèo (Bạch), nhưng luôn giữ chí lớn (Thái) vươn lên làm giàu.

Theo một lý giải khác thì thừa đầu lập nghiệp Bạch Thái Bưởi vẫn duy trì họ Đỗ. Chỉ sau này khi ông đã thành danh ông mới chuyển sang họ “Bạch” với ý nhân mạnh “từ hai bàn tay trắng mà lập nên nghiệp lớn” [34].



trào chấn hưng thương trường, cổ động thực nghiệp của người Việt. Khi ông tới Sài Gòn vào tháng 6/1920, Bạch Thái Bưởi được chào đón và được tôn vinh như là một nhà đại công nghiệp, một người An Nam kiệt xuất đã chiến thắng trong cuộc cạnh tranh với người Hoa trên sông Bắc Kỳ [41]. Trên thực tế, cho đến năm 1920, Bạch Thái Bưởi đã sở hữu trên 40 tàu, chạy hầu hết trên các tuyến sông Bắc Kỳ, thậm chí còn chạy sang các nước láng giềng như Hong Kong, Singapore, Trung Quốc, Philippines,... [42, 43]. Giờ đây, khát vọng của Bạch Thái Bưởi không còn chỉ dừng lại ở danh xưng “Chúa sông Bắc Kỳ” nữa, mà ông đang nỗ lực vươn ra đại dương với những con tàu mang tên các vị anh hùng dân tộc và các địa danh nước Việt.

Ngoài kinh doanh vận tải đường thủy, Bạch Thái Bưởi còn lấn sang lĩnh vực in ấn, xuất bản.

Ông đầu tư lập ra nhà in “Đông Kinh quán ấn” (Imprimerie Tonkinoise), một trong số nhà in lớn và ra đời sớm nhất ở Hà Nội. Năm 1921, Bạch Thái Bưởi cho ra tờ báo riêng mang tên “Khai Hóa nhật báo” làm công cụ chuyên quảng bá cho Bạch Thái công ty. Ngoài ra, tờ nhật báo còn có tôn chỉ “một là giúp đồng bào ta tự khai hoá, dạy bảo lẫn nhau,... mở mang con đường thực nghiệp. Hai là giải bày cùng chính quyền bảo hộ những yêu cầu thiết thực, chính đáng của quốc dân” [44]. Bạch Thái Bưởi cũng là người tham gia sáng lập Hội Khai trí tiến đức, là thành viên quan trọng trong Hội đồng quản trị và liên tục được bầu làm Phó Hội trưởng. Ông giúp đỡ đặc lực về mặt tài chính cho Hội và thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm kinh doanh cho các nhà tư sản Việt Nam.

Bảng 1. Hoạt động vận tải của đội tàu Bạch Thái Công ty (năm 1919)

Tên tàu	Đặc điểm tàu	Chiều dài	Chiều ngang	Dung tích	Số hành khách	Các tuyến đường
Phi Phượng	Tàu 2 chân vịt, bằng sắt	<b>Thước</b> 40,25	<b>Thước</b> 9,20	<b>Tấn</b> 300,000	<b>Người</b> 1200	Hà Nội – Nam Định
Phi Long	Tàu 2 chân vịt, bằng sắt	40,00	7,30	280,000	854	Hà Nội – Nam Định
Phi Hồ	Tàu 2 chân vịt, bằng sắt	40,00	7,30	280,000	300	Hải Phòng – Bến Thủy
Đông Khánh	Tàu 1 chân vịt, bằng sắt	34,50	5,50	114,000	310	Hải Phòng – Nam Định
Kiến Phúc	Tàu 1 chân vịt, bằng sắt	23,00	3,88	87,000	95	Nam Định – Nho Quan
Thiệu Trị	Tàu 1 chân vịt, bằng sắt	30,00	4,00	100,000	120	Nam Định – Kim Sơn
Khoái Từ Long	Tàu 1 chân vịt, ½ sắt ½ gỗ	40,00	6,50	150,000	160	Nam Định – Bến Thủy
Trung Trắc	Tàu 1 chân vịt, bằng gỗ	34,00	5,50	100,000	200	Hải Phòng – Hà Nội
Minh Mạng	Tàu 1 chân vịt, bằng gỗ	28,50	5,00	199,000	300	Hải Phòng – Hà Nội
Tự Đức	Tàu 1 chân vịt, bằng gỗ	30,00	4,90	188,000	220	Hải Phòng – Hòn Gai
Hàm Nghi	Tàu 1 chân vịt, bằng gỗ	22,40	4,20	100,000	120	Nam Định – Ngô Đồng
Hiệp Hòa	Tàu 1 chân vịt, bằng gỗ	21,00	3,90	35,000	60	Nam Định – Lạc Quan
Trung Nhị	Tàu 1 chân vịt, bằng gỗ	28,30	4,50	150,000	120	Hải Phòng – Móng Cái
Lạc Long	Tàu 1 chân vịt, bằng gỗ	23,00	3,85	40,000	55	Hải Phòng – Hải Dương
Khâm Sai	Tàu 1 chân vịt, bằng gỗ	25,00	4,00	50,000		Tàu chạy kèm
Kinh Lược	Tàu 1 chân vịt, bằng gỗ	23,70	4,20	123,000		Tàu chạy kèm
Tông Đức	Tàu 1 chân vịt, bằng gỗ	18,28	4,20	65,000	85	Hải Phòng – Kiến An
Gia Long	Tàu bánh xe, bằng sắt	38,00	7,60	203,000	606	Hải Phòng – Nam Định
Đình Tiên Hoàng	Tàu bánh xe, bằng sắt	38,80	7,50	189,000	500	Hà Nội – Chợ Bờ
Hồng Bàng	Tàu bánh xe, bằng sắt	25,00	4,50	85,000	150	Nam Định – Thái Bình
Yên Bái	Tàu bánh xe, bằng sắt	37,20	5,70	350,000	430	Hà Nội – Tuyên Quang
Phổ Lu	Tàu bánh xe, bằng sắt	37,20	6,62	350,000	430	Hà Nội – Tuyên Quang
Bảo Hà	Tàu bánh xe, bằng sắt	27,65	5,60	115,000	260	Hà Nội – Tuyên Quang
Lê Lợi	Tàu bánh xe, ½ sắt ½ gỗ	37,00	7,30	160,000	400	Hà Nội – Tuyên Quang
Chợ Bờ	Tàu bánh xe, ½ sắt ½ gỗ	34,32	6,80	256,000	200	Thượng Du – Bắc Kỳ
<b>Cộng</b>				4,069,860	7275	

Nguồn: Nam Phong tạp chí, số 29, 1919.

Từ năm 1926, sự nghiệp kinh doanh của Bạch Thái Bưởi bắt đầu đi xuống, đầu tiên là việc chiếc tàu An Nam chở 150 tấn xi măng bị chìm không rõ lý do, gây thiệt hại đến 60 vạn đồng Đông Dương [45]. Trong các năm tiếp theo, Bạch Thái Công ty tiếp tục gặp khó khăn, lượng khách đi tàu thủy nội địa giảm sút do người dân ưu tiên sử dụng đường bộ và đường sắt; hoạt động vận tải quốc tế cũng bị đình trệ do ảnh hưởng ban đầu của cuộc Đại khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929-1933. Ngày 5/4/1929, Bạch Thái Công ty chính thức tuyên bố phá sản.

Khi ngành vận tải đường thủy bắt đầu gặp khó khăn, Bạch Thái Bưởi đã nhanh chóng chuyển hướng đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh mới, đó là khai mỏ. Vẫn theo cách làm trước đây, ông tập trung vốn liếng mua lại các nhượng địa đã có sẵn, đồng thời tổ chức thăm dò lập thêm mỏ mới. Theo thống kê, Bạch Thái Bưởi từng sở hữu 10 nhượng địa than, cụ thể là Jean (lập năm 1911); Alexandre và Fabien (lập năm 1915); Antoine và Cardiff (lập năm 1925); Julie, Phi Hồ, Porcelaine, Pourquoi pas và Limoges (lập năm 1928). Các nhượng địa này hầu hết là của người Pháp và một số tư sản người Việt; chỉ riêng mỏ Pourquoi pas là nhượng địa do Bạch Thái Bưởi khai lập [46]. Tại một số mỏ, ông cho xây đường sắt để vận chuyển than ra bên cảng. Với việc sở hữu số lượng lớn nhượng địa mỏ và đầu tư cho cơ sở hạ tầng rõ ràng Bạch Thái Bưởi đã chuẩn bị cho việc kinh doanh lớn.

Tuy nhiên, không giống như lĩnh vực vận tải đường thủy, nơi Bạch Thái Bưởi về cơ bản chỉ phải đối mặt với sự cạnh tranh của tư sản Hoa kiều, ngành khai thác mỏ hầu như do tư sản Pháp kiểm soát với sự hậu thuẫn của chính quyền thực dân. Trong bối cảnh khó khăn của cuộc khủng hoảng kinh tế, thiếu vốn và trang thiết bị, lại chịu sự cạnh tranh khốc liệt của các chủ mỏ Pháp, nên mặc dù sở hữu nhiều nhượng địa, trên thực tế Bạch Thái Bưởi mới chỉ có điều kiện tập trung khai thác hai mỏ chính là Alexandre có diện tích 1.200 ha và Fabien có diện tích 724 ha. Hai mỏ này nằm trong bể than Đông Triều, vùng Bí Chợ, do hai người con là Bạch Thái Tông và Bạch Thái Toàn quản lý. Sản lượng than khai thác được từ hai mỏ này cũng không cao. Tổng sản

lượng của mỏ Bí Chợ từ khi Bạch Thái Bưởi mua lại vào năm 1925 đến năm 1928 chỉ khoảng 6.000 tấn. Hoạt động khai thác bị dừng lại vào năm 1931 [37].

Ngày 22/7/1932, khi vẫn đang phải vật lộn với công việc kinh doanh khó khăn, Bạch Thái Bưởi đột ngột qua đời. Ông lựa chọn chôn cất tại khu mỏ của mình, cho thấy ông rất tâm huyết với công việc kinh doanh còn dang dở. Hai người con vẫn tiếp tục sự nghiệp kinh doanh của ông, nhưng không thể làm gì để vực dậy được công ty. Sản lượng than của mỏ Bí Chợ chỉ đạt khoảng 30.000 tấn/năm [48]. Năm 1934, sản lượng than của mỏ Bạch Thái Bưởi đạt mức cao nhất là 44,6 ngàn tấn, nhưng từ đó về sau, sản lượng xuống dần. Khi Nhật chiếm Đông Dương, khu nhượng địa của Bạch Thái Bưởi bị chiếm dụng trở thành doanh trại của các lực lượng thân Nhật.

## 5. Tạm kết

Cái chết đột ngột của Bạch Thái Bưởi là sự kiện chấn động trong giới kinh doanh ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Sự ra đi của ông, “một bậc vĩ nhân ở đất Bắc, một bậc trượng phu trong thương trường” [49] là một tổn thất rất lớn cho giới tư sản người Việt, vốn đã yếu thế, lại luôn phải chịu sự chèn ép của tư sản nước ngoài và của chính quyền thực dân. Bạch Thái Bưởi là hình ảnh đại diện cho giới tư sản dân tộc Việt Nam được hình thành vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Xuất phát từ hai bàn tay trắng, ông đã từng bước đi lên thông qua tầm nhìn, kinh nghiệm và sự nhanh nhạy của chính ông trong lĩnh vực kinh doanh. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh luôn biến động vì sự thay đổi trong chính sách cai trị và khai thác thực dân của Pháp, Bạch Thái Bưởi đã luôn chủ động thích ứng và không ngại đầu tư vào những lĩnh vực mới, nhiều triển vọng, nhưng cũng đầy thách thức. Ông đã thử sức ở nhiều lĩnh vực khác nhau như thầu khoán xây dựng, cầm đồ, kinh doanh nhà hàng, vận tải đường thủy, in ấn, báo chí, khai mỏ, đường sắt,... Trong số này, có hai lĩnh vực gắn liền với sự nghiệp kinh doanh của ông là vận tải đường thủy và khai mỏ. Vận tải đường thủy đã đưa Bạch Thái Bưởi trở thành “Chúa sông Bắc

Kỳ”, giúp ông chế tạo ra những con tàu mang niềm tự hào dân tộc không chỉ xuất hiện ở khắp các cảng sông, cảng biển trong nước, mà còn vươn tới nhiều trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và thế giới. Khai mở lại là lĩnh vực đánh dấu chấm hết sự nghiệp kinh doanh của Bạch Thái Bưởi. Mặc dù đã dồn rất nhiều tâm huyết, nhưng những khó khăn của thời cuộc, đặc biệt là vấn đề sức khoẻ đã cản trở ông thực hiện được những hoài bão kinh doanh. Cái chết của Bạch Thái Bưởi kéo theo sự sụp đổ của một trong những đế chế kinh doanh lớn nhất của người Việt đầu thế kỷ XX.

Sự nghiệp kinh doanh thăng trầm của Bạch Thái Bưởi tiêu biểu cho số phận của phần lớn tư sản dân tộc Việt Nam đương thời. Đồng hành cùng ông có các nhà tư sản như Nguyễn Sơn Hà (kinh doanh sơn dầu), Ngô Tử Hạ (ngành in ấn), Trịnh Văn Bô (buôn bán tơ lụa), Đỗ Đình Thiện (kinh doanh tơ lụa, dệt may và đồn điền), Bùi Hưng Ga (trạm khắc bạc), Trần Hữu Định (xuất nhập khẩu),... Dù có hoàn cảnh xuất thân và hoạt động trong môi trường kinh doanh khác nhau, nhưng tất cả đều có một điểm chung đó là tinh thần khởi nghiệp, ý chí phấn đấu làm giàu, không ngại gian khổ, mong muốn phát triển nền kinh tế nước nhà. Họ đại diện cho phương thức sản xuất mới, tiên tiến và là lực lượng duy nhất có thể làm đối trọng với thế lực kinh tế của tư bản nước ngoài, đặc biệt là tư sản Hoa kiều và tư sản Pháp. Trong môi trường kinh doanh thuộc địa đầy biến động và sự cạnh tranh gay gắt, không phải nhà tư sản nào cũng thành công và không phải ai cũng có kết cục bị thương như Bạch Thái Bưởi. Tuy nhiên, những nỗ lực và thành công của họ là không đủ để đưa giai cấp tư sản lãnh đạo cuộc cách mạng dân chủ tư sản đi đến thành công. Rốt cuộc, nhiều nhà tư sản dân tộc đã lựa chọn công hiến và đi theo con đường cách mạng vô sản, giành lại độc lập cho dân tộc.

### Tài liệu tham khảo

- [1] D. K. Quoc, The French Colonial Government in Vietnam Prior to the August Revolution of 1945: Understanding the Historical and Social Background of Colonial Vietnam, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 1988, pp. 256-257 (in Vietnamese).
- [2] T. V. Giau, Tran Van Giau's Works of the Ho Chi Minh Prize, Social Sciences Publishing House, Hanoi, Vol. 1, 2003, pp. 35-45 (in Vietnamese).
- [3] N. C. Binh, Understanding the Vietnamese Bourgeoisie in the French Colonial Times, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2020, pp. 14-26 (in Vietnamese).
- [4] C. Robequain, Economic Development of French Indo-China, Oxford University Press, London, 1944, pp. 128-129.
- [5] D. Doan, Vietnamese Villages: Some Socio-economic Issues, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 1992 (in Vietnamese).
- [6] T. V. Giau, Tran Van Giau's Works of the Ho Chi Minh Prize, Social Sciences Publishing House, Hanoi, Vol. 1, 2003, pp. 35-45 (in Vietnamese).
- [7] L. V. Smith, S. A. Rouzeau, A. Becker, France and the Great War 1914-1918: New Approach to European History, Cambridge University Press, Cambridge, 2003, pp. 60-63.
- [8] T. T. Thuy (ed.), Vietnamese History, (from 1897 to 1918), Social Sciences Publishing House, Hanoi, Vol. 7, 2017, pp. 616-519 (in Vietnamese).
- [9] N. C. Binh, Understanding the Vietnamese Bourgeoisie in the French Colonial Times, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2020, pp. 87 (in Vietnamese).
- [10] N. V. Khanh, Vietnam in 1919-1930: A Period of Searching and Orientation, Vietnam National University Press, Hanoi, 2007, pp. 12-15 (in Vietnamese).
- [11] V. D. Ninh (ed.), Reform Movements in Some East Asian Countries (in the Mid-19<sup>th</sup> and Early 20<sup>th</sup> Centuries), Vietnam National University Press, Hanoi, 2016 (in Vietnamese).
- [12] N. T. Dung, Awareness of National Interests of Some Reformists in East Asia (in the Second Half of 19<sup>th</sup> and Early 20<sup>th</sup> Centuries), Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2020 (in Vietnamese).
- [13] T. V. Giau, The Development of Ideology in Vietnam from 19<sup>th</sup> Century to the August Revolution of 1945, Vol.II: The Bourgeois Ideology and Its Failure in the Historical Revolutionary Tasks, National Politics Publishing House, Hanoi, 1997 (in Vietnamese).
- [14] New Letters and Vietnamese Society in the Late 19<sup>th</sup> and Early 20<sup>th</sup> Centuries, National Politics Publishing House, Hanoi, 1997 (in Vietnamese).

- [15] C. Robequain, *Economic development of French Indo-China*, Oxford University Press, London, 1944, pp. 129.
- [16] J. Dumarest, *The Monopoly of Opium and Salt in French Indochina*, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2020 (in Vietnamese).
- [17] P. Le Failler, *Opium and the Colonial Governments in Asia: From Monopoly to Prohibition, 1897-1940*, Information and Culture Publishing House, Hanoi, 2000 (in Vietnamese).
- [18] L. K. Nhu, *The Chinese in Vietnam; A study of Vietnamese-Chinese Relations with Special Attention to the Period 1862-1961*, PhD Dissertation, University of Michigan, Ann Arbor, 1963.
- [19] T. Khanh, *The Ethnic Chinese and Economic Development in Vietnam*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1993.
- [20] N. C. Binh, *Understanding the Vietnamese Bourgeoisie Class in the French Colonial Times*, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2020, pp. 43 (in Vietnamese).
- [21] T. V. Giau, *The Ideological Development in Vietnam from 19<sup>th</sup> Century to the August Revolution of 1945: The Bourgeois Ideology and Its Failure in the Historical Revolutionary Tasks*, National Politics Publishing House, Hanoi, Vol. 2 1997, pp. 20 (in Vietnamese).
- [22] N. C. Binh, *Understanding the Vietnamese Bourgeois Class in the French Colonial Times*, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2020, pp. 62 (in Vietnamese).
- [23] N. C. Binh, *Understanding the Vietnamese Bourgeois Class in the French Colonial Times*, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2020, pp. 64 (in Vietnamese).
- [24] N. C. Binh, *Understanding the Vietnamese Bourgeoisie in the French Colonial Times*, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2020, pp. 130 (in Vietnamese).
- [25] N. C. Binh, *The Situation and the Nature of the Vietnamese Bourgeois Class*, *Journal of Literature -History- Geography* Vol. 43, 1958, pp. 42-45 (in Vietnamese).
- [26] N. V. Khanh, *The Socio-Economic Structure of Vietnam under the French Colonial Rule, 1858-1945*, Vietnam National University Press, Hanoi, 2004, pp.145 (in Vietnamese).
- [27] T. T. Thuy, *Mining Industry in Vietnam under the French Colonial Rule*, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2018, pp. 296 (in Vietnamese).
- [28] C. V. Bien, *The Vietnamese Coal Industry in the Colonial Times, 1888-1945*, Social Sciences Publishing House, Hanoi, 1998, pp. 92-94 (in Vietnamese).
- [29] P. D. Tan, *The Industry Situation in Vietnam under the French Colonial Period*, Truth Publishing House, Hanoi, 1959, pp. 69-70 (in Vietnamese).
- [30] L. M. Quoc, *Vietnamese Firms: History and Present*, Youth Publisher, Hanoi, 2004, pp. 112 (in Vietnamese).
- [31] J. Aumiphin, *The Financial and Economic Presence of France in Indochina, 1859-1939*, Vietnam Association of Historical Sciences, Hanoi, 1994, pp. 27-34 (in Vietnamese).
- [32] T. H. Lieu, *Vietnamese Society under the Dual French-Japanese Rules*, Literature-History-Geography Publishers, Hanoi, Vol. 1, 1957 (in Vietnamese).
- [33] L. M. Hung, *The Impact of World War II on the Economy of Vietnam, 1939-1945*, Eastern Universities Press, Singapore, 2004.
- [34] L. M. Quoc, *Bach Thai Bui: An Outstanding Vietnamese Businessman*, Youth Publisher, Hanoi, 2007 <https://vietnamnet.vn/vn/doi-song/chuyen-la/dam-cuoi-hoanh-trang-xa-hoa-cua-con-trai-dai-ty-phu-dat-bac-363309.html/>, 2017 (accessed on: August 8<sup>th</sup>, 2021) (in Vietnamese).
- [35] P. H. Tung, *Further Study on Bach Thai Bui: An Outstanding Businessman in Modern Vietnam*, *Journal of Historical Studies*, Vol. 5, 2006, pp. 57 (in Vietnamese).
- [36] *The Annamese Echo*, June 8<sup>th</sup>, 1920.
- [37] *L'Éveil économique de l'Indochine*, September 22<sup>nd</sup>, 1918.
- [38] P. Xanh, *Business Activities of Vietnamese and Foreign Firms in Haiphong before 1945*, *Journal of Historical Studies*, Vol. 320, No. 1, 2002, pp. 21 (in Vietnamese).
- [39] *Southern Winds Monthly Review*, No. 29, 1919 (in Vietnamese).
- [40] P. Xanh, *Nationalist Spirit in Business of Vietnamese Entrepreneurs in the French Colonial Era: The Case of Bach Thai Bui*, 1st International Conference on Vietnamese Studies, Hanoi, July 15-17, 1998 (in Vietnamese).
- [41] *The Annamese Echo*, 8 June, 1920.
- [42] P. M. Chinh, V. H. Quan, *Vietnam's Economy: Fluctuating and Breaking Through*, Knowledge Publisher, Hanoi, 2010, pp. 38-39 (in Vietnamese).
- [43] N. Hang, *Bach Thai Bui: A Businessman Who Initiated the Slogan the Vietnamese People Use Vietnamese Goods 100 Years Ago*, <http://www.archives.org.vn/gioi-thieu-tai-lieu-nghiep-vu/bach-thai-buoi-doanh-nhan-khoi->

- xuong-phong-trao-nguoi-viet-dung-hang-viet-100-nam-truoc.htm/, 2018 (accessed on: August 15<sup>th</sup>, 2021).
- [44] T. H. Dua (ed.), *Vietnam Journalism Biographies, National Politics*, Hanoi, 1998, pp. 226 (in Vietnamese).
- [45] P. H. Tung, Further Study on Bach Thai Bui: An Outstanding Businessman in Modern Vietnam, *Journal of Historical Studies*, Vol. 5, 2006, pp. 60 (in Vietnamese).
- [46] C. V. Bien, The Vietnamese Coal Industry in the Colonial Times, 1888-1945, *Social Sciences Publishing House*, Hanoi, 1998, pp. 66-93 (in Vietnamese).
- [47] J. Jaehyun, *Exploitation Minière et Exploitation Humaine, Les Charbonnages dans le Vietnam Colonial, 1874-1945*, PhD dissertation, University of Paris Sorbonne, Paris, 2018, pp. 66-80.
- [48] J. Jaehyun, *Exploitation Minière et Exploitation Humaine, Les Charbonnages Dans le Vietnam Colonial, 1874-1945*, PhD Dissertation, University of Paris Sorbonne, Paris, 2018, pp. 249.
- [49] *Southern Winds Monthly Review*, No. 174, 1932 (in Vietnamese).